TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 94/2024/HNGĐ-ST Ngày 24-12-2024 V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Huỳnh Ngọc Dung.
2. Bà Nguyễn Thị Di

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Quốc Tín - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Văn Long, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 308/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Hồng A– sinh năm 1985;
Địa chỉ: Tổ A, ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có mặt)
- *Bị đơn:* Ông Trần Anh Q– sinh năm 1979;
Địa chỉ: Tổ A Ô, H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn trình bày*:

Bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Anh Q đã sống chung, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2005 theo đúng quy định của pháp luật tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, tuy nhiên quan thời gian chung sống vợ chồng có nhiều ý kiến bất đồng, mâu thuẫn liên quan đến tình cảm. Ông Q thường xuyên kiểm soát, ghen tuông và đánh đập bà vô cớ. Vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cải vả dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Bà A đã cố gắng vì con chịu đựng, gần đây nhất khoảng hơn 01 tháng ông Q lại tiếp tục đánh bà A.

Bà A nhận thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Bà A không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà đã bỏ về nhà mẹ ruột sống hơn 05 tháng nay. Chính vì thế nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Anh Q

Về con chung: Trong thời gian chung sống, Bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Anh Q có 02 con chung là Trần Thị Hồng T, sinh ngày 07/02/2008 và Trần Thị Hồng N, sinh ngày 03/5/2013. Bà A có nguyện vọng được nuôi dưỡng Trần Thị Hồng T, sinh ngày 07/02/2008 và giao Trần Thị Hồng N, sinh ngày 03/5/2013 cho ông Trần Anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà A không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những yêu cầu trên, bà Nguyễn Thị Hồng A không còn yêu cầu nào khác nữa.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Về điều kiện kết hôn, con chung, ông Q xác nhận lời trình bày của bà A là đúng nên ông không bổ sung gì thêm.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông Q cho rằng do bà A có qua lại với người đàn ông khác. Bản thân ông còn rất yêu vợ thương con nên ông không đồng ý ly hôn.

Ông Q xác nhận do bà A ngoại tình, vì quá thương bà A nên ông Q nóng tính, không kềm chế được bản thân, nên đôi lúc ông có đánh bà A.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Trần Anh Q và bà Nguyễn Thị Hồng A có 02 con chung là Trần Thị Hồng T, sinh ngày 07/02/2008 và Trần Thị Hồng N, sinh ngày 03/5/2013. Ông Q có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Hồng N, sinh ngày 03/5/2013, giao Trần Thị Hồng T, sinh ngày 07/02/2008 cho bà A nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Q không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những yêu cầu trên, ông Q không còn yêu cầu nào khác nữa.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn xét xử thực hiện đúng quy định.

Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Hồng A được ly hôn với ông Trần Anh Q.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà A và ông Q. Giao con chung là Trần Thị Hồng T, sinh ngày 07/02/2008 cho bà A, giao Trần Thị Hồng N, sinh ngày 03/5/2013 cho ông Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) Ông Q, bà A tự nguyện không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q, bà A không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc bà A phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện L, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đang cư trú tại huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Anh Q tiến tới hôn nhân chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Bà A và ông Q đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Giấy chứng nhận kết hôn số 140, quyển số 04 ngày 11/01/2005. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông Q là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình hoà giải tại Toà, bà A xác định không còn tình cảm với ông Q nữa. Cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, ông Q thường xuyên đánh đập hành hung bà nên dẫn đến thường xuyên cải vã, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Bà A, ông Q đã tự sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay.

Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để vợ chồng bà A, ông Q đoàn tụ nhưng không thành, bà A vẫn cương quyết xin ly hôn với ông Q. Ông Q không đồng ý ly hôn với bà A. Xét thấy bà A và ông Q đã tự ý ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Mặc dù ông Q không đồng ý ly hôn với lý do còn yêu vợ, thương con, do bà A có quan hệ với người đàn ông khác. Tuy nhiên ông Q không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc bà A ngoại tình. Cả ông Q và bà A đều không tìm cách tháo gỡ những mâu thuẫn gia đình đang tồn tại làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, dẫn đến hạnh phúc gia đình tan vỡ. Đỉnh điểm là việc bà A đã bỏ đi về nhà mẹ ruột từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay mà phía ông Q và bà A không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do vậy Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông Q đã thật sự trầm trọng,

không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà A với ông Q.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Trần Anh Q và bà Nguyễn Thị Hồng A có 02 con chung là Trần Thị Hồng T, sinh ngày 07/02/2008 và Trần Thị Hồng N, sinh ngày 03/5/2013. Bà A có nguyện vọng được nuôi dưỡng Trần Thị Hồng T, sinh ngày 07/02/2008, ông Q có nguyện vọng được nuôi dưỡng Trần Thị Hồng N, sinh ngày 03/5/2013. Bà A và ông Q không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của cháu T muốn được ở với mẹ, cháu N muốn được ở với ba đúng với nguyện vọng của ông Q, bà A. Do vậy, cần giao con chung là Trần Thị Hồng T, sinh ngày 07/02/2008 cho bà Nguyễn Thị Hồng A, giao Trần Thị Hồng N, sinh ngày 03/5/2013 cho ông Trần Anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q, bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng A. Bà Nguyễn Thị Hồng A được ly hôn với ông Trần Anh Q.

2.Về con chung:

Giao Trần Thị Hồng T, sinh ngày 07/02/2008 cho bà Nguyễn Thị Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao Trần Thị Hồng N, sinh ngày 03/5/2013 cho ông Trần Anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Hồng A, ông Trần Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Anh Q, bà Nguyễn Thị Hồng A không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Hồng A phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003735 ngày 11/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Như vậy bà Nguyễn Thị Hồng A đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX H. Long Điền;
- Chi cục THADS H. Long Điền;
- NĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Thị Hiền